

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2022/HS-ST
Ngày 11-5-2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ B, TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Thanh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lục Kim Thanh;

Ông Lương Thanh Nhân.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh B.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh B tham gia phiên tòa:*
Bà Nguyễn Thị Xuân Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 54/2022/TLST-HS ngày 04 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2022/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2022 đối với bị cáo:

Trần Văn N, sinh năm 1976, tại tỉnh B; địa chỉ thường trú: Thôn C, xã A, huyện L, tỉnh B; chỗ ở trước khi bị bắt: Khu phố 3, phường M, thị xã B, tỉnh B; nghề nghiệp: Buôn bán; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 7/12; con ông Trần Văn Q (đã chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1954; có 03 chị em, lớn nhất sinh năm 1974, nhỏ nhất sinh năm 1979; có vợ tên Trần Thị L, sinh năm 1975 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã B từ ngày 07/12/2021; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 09 giờ 45 phút ngày 07/12/2021, tại khu vực trước phòng trọ số 02 nhà trọ số 90 thuộc khu phố 3, phường M, thị xã B, tỉnh B, lực lượng Cảnh sát Điều tra tội phạm về Kinh tế - Ma túy Công an thị xã B phối hợp lực lượng Công an phường Mỹ Phước tuần tra phát hiện Trần Văn N đang ngồi có biểu hiện nghi vấn nên yêu cầu kiểm tra hành chính. Qua kiểm tra, lực lượng Công an

phát hiện trong túi quần bên trái phía trước mà N đang mặc có 01 túi nylon miệng kéo dính, bên trong có 07 gói nylon hàn kín, bên trong chứa chất tinh thể màu trắng. N khai chất tinh thể màu trắng là ma túy đá (Methamphetamine) của N mua được cất giấu để sử dụng nên lực lượng Công an tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với N và thu giữ vật chứng gồm: 01 túi nylon miệng kéo dính bên trong có 07 gói nylon hàn kín, bên trong chứa chất tinh thể màu trắng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung, sim số 0965.073.331 và 0365.864.971.

Tại Cơ quan Điều tra, Trần Văn N khai nhận: N sử dụng ma túy đá từ tháng 11/2021. Khoảng 09 giờ ngày 07/12/2021, N đi bộ từ phòng trọ ở đường DB8, khu phố 3, phường M, thị xã B, tỉnh B, đến phòng trọ số 02 nhà trọ số 90 ở cạnh đường DB5, thuộc khu phố 3, phường M của Lê Kim Th (sinh năm 1981; thường trú tại: Ấp L, xã H, huyện L, tỉnh V) chơi. Khi đến nơi, N thấy phòng trọ của Th đang khóa trái cửa và có Đ (chưa rõ nhân thân, lai lịch) ngồi trước cửa phòng, N hỏi Đ mua thiếu 1.000.000 đồng ma túy đá thì Đ đồng ý và đưa cho N 01 túi nylon miệng kéo dính bên trong có 07 gói ma túy đá. N cất giấu túi ma túy vào túi quần bên trái phía trước mà N đang mặc. Sau đó, Đ bỏ đi, N luồn tay qua cửa sổ tự mở chốt cửa để vào phòng số 02. Lúc này, Th đang ngủ, N lấy ghế ra trước cửa phòng trọ ngồi chơi game. Khoảng 09 giờ 15 phút cùng ngày, Trịnh Thế Ph (sinh năm 1992; thường trú tại: Thị trấn E, huyện C, tỉnh Đ) đến tìm Th ngồi trong phòng chơi. Khoảng 09 giờ 45 phút cùng ngày, lực lượng Công an kiểm tra hành chính phát hiện túi ma túy đá trong túi quần của N.

Theo Kết luận giám định số 776/MT-PC09 ngày 15/12/2021 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh B, kết luận: Mẫu tinh thể gửi giám định thu giữ trong túi quần của Trần Văn N là ma túy, có khối lượng 1,1447 gam, loại Methamphetamine.

Theo Biên bản xét nghiệm chất ma túy ngày 07/12/2021: Trần Văn N và Lê Kim Th dương tính với Methamphetamine.

Ngày 04/01/2022, Cơ quan Cảnh sát Điều tra xử lý vật chứng giao trả điện thoại di động hiệu Samsung, sim số 0965.073.331 và 0365.864.971 cho Trần Văn N.

Ngày 16/12/2021, Công an thị xã B ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 122/QĐ-XPVPHC phạt Lê Kim Th 750.000 đồng về hành vi: “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Tại bản Cáo trạng số 64/CT-VKS ngày 04/4/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh B truy tố bị cáo Trần Văn N về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh B tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Văn N về

tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị Trần Văn N từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 09 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng của vụ án: Đề nghị tịch thu tiêu hủy đối với 01 (một) Bì thư được niêm phong ghi số 776/PC09 có chữ ký của Trần Văn N (người chứng kiến), chữ ký của Lưu Công D (bên nhận mẫu), chữ ký của Đoàn Nguyễn Thiện Q (bên giao mẫu) và hình dấu đỏ niêm phong của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh B, khối lượng mẫu vật niêm phong: 1,0905 gam Methamphetamine (Theo Kết luận giám định số 776/MT-PC09 ngày 15/12/2021, Biên bản đóng gói niêm phong và giao, nhận đối tượng giám định ngày 07/12/2021).

Bị cáo Trần Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Trong quá điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến về quyết định truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, nội dung bản Cáo trạng số 64/CT-VKS ngày 04/4/2022 và Kết luận giám định số 776/MT-PC09 ngày 15/12/2021.

Tại phiên tòa, bị cáo không đưa ra chứng cứ, tài liệu và lập luận gì để đối đáp với Kiểm sát viên về nội dung luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an thị xã B, tỉnh B, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội:

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn N đã thành khẩn khai nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy như nội dung Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân

thị xã B, tỉnh B đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, các tài liệu, chứng cứ thu giữ trong vụ án, biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng. Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận:

Lúc 09 giờ 45 phút ngày 07/12/2021, tại khu vực trước phòng trọ số 02 của nhà trọ số 90 thuộc khu phố 3, phường M, thị xã B, tỉnh B, Trần Văn N đã có hành vi tàng trữ trái phép 1,1447 gam ma túy, loại Methamphetamine ở trong túi quần bên trái phía trước mà N đang mặc nhằm mục đích sử dụng. Do đó, hành vi mà bị cáo Trần Văn N đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây tác hại xấu đến trật tự công cộng và an toàn xã hội. Việc mua, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy là nguyên nhân làm phát sinh nhiều tệ nạn xã hội như: Trộm cắp, cướp giật, đặc biệt là nguy cơ lây nhiễm căn bệnh HIV/AIDS qua con đường tiêm chích ma túy. Loại ma túy mà bị cáo tàng trữ là Methamphetamine, đây là loại độc dược gây nghiện, có nhiều tác hại cho sức khỏe con người. Hiện nay, tệ nạn hút chích ma túy đang là gánh nặng cho gia đình và xã hội, trong khi Nhà nước không ngừng tuyên truyền giáo dục và vận động toàn xã hội ra sức đấu tranh phòng chống tệ nạn ma túy thì vẫn còn những người vì mục đích tư lợi đã lén lút hoạt động tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy, bất chấp pháp luật và hậu quả gây ra cho xã hội.

Về tình tiết định khung hình phạt: Tổng khối lượng Methamphetamine bị cáo Trần Văn N đã có hành vi cất giấu trái phép là 1,1447 gam. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khung hình phạt nên chỉ xét xử ở khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, bị cáo thuộc trường hợp được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngoài ra bị cáo còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 do có bà ngoại là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì.

Đối chiếu với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất mức độ phạm tội cũng như nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy

mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị đối với bị cáo N là phù hợp nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) Bì thư được niêm phong ghi số 776/PC09 có chữ ký của Trần Văn N (người chứng kiến), chữ ký của Lưu Công D (bên nhận mẫu), chữ ký của Đoàn Nguyễn Thiện Q (bên giao mẫu) và hình dấu đỏ niêm phong của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh B, khối lượng mẫu vật niêm phong: 1,0905 gam Methamphetamine (Theo Kết luận giám định số 776/MT-PC09 ngày 15/12/2021, Biên bản đóng gói niêm phong và giao, nhận đối tượng giám định ngày 07/12/2021): Đây là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ và lưu hành. Căn cứ theo điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 cần phải tịch thu, tiêu hủy.

[5] Đối với đối tượng tên Đen (không rõ nhân thân, lai lịch) có hành vi mua bán trái phép chất ma túy với bị cáo Nghĩa: Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã B tiếp tục xác minh nhân thân, lai lịch để làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn N phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Văn N 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 07/12/2021.

3. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) Bì thư được niêm phong ghi số 776/PC09 có chữ ký của Trần Văn N (người chứng kiến), chữ ký của Lưu Công D (bên nhận mẫu), chữ ký của Đoàn Nguyễn Thiện Q (bên giao mẫu) và hình dấu đỏ niêm phong của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh B, khối lượng mẫu vật niêm phong: 1,0905 gam Methamphetamine (Theo Kết luận giám định số 776/MT-

PC09 ngày 15/12/2021, Biên bản đóng gói niêm phong và giao, nhận đối tượng giám định ngày 07/12/2021).

(Vật chứng được thể hiện tại Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 04/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B giữa Công an thị xã B và Chi cục Thi hành án dân thị xã B)

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Văn N bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Công an thị xã B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Thị Thanh Trúc